

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 721/2019/HNGĐ -ST

Ngày: 9-8-2019

V/v Ly hôn, T/c về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thảo Linh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Chính

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thư - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 369/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, T/c nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Phạm P**, sinh năm: 1947 (có mặt)

Địa chỉ: 15A Đ C, TP. Q, tỉnh Bình Định

* Bi đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết S**, sinh năm: 1972(có mặt)

Địa chỉ: 15A Đ C, Tp. Q, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phạm P trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Tuyết S kết hôn vào ngày 26 tháng 11 năm 2007 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N. B, Tp. Q. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bà S không quan tâm đến gia đình, thiếu trách nhiệm với chồng con, có biểu hiện không chung thủy trong cuộc sống vợ chồng, ông nhắc nhở thì giữa vợ chồng xảy ra kinh cãi. Năm 2014 bà S gửi đơn xin ly hôn lên Tòa, vì con còn nhỏ nên ông không đồng ý và bà S đã rút đơn, nhưng từ

đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đỉnh điểm là vào tháng 01/2018 giữa ông và bà S đã xảy ra xô xát, bà S đánh ông rồi bỏ mặc ông và con đi nơi khác sinh sống cho đến nay không chăm lo gì đến gia đình. Ngoài ra, bà S còn gây nợ nần bên ngoài, các chủ nợ đến tìm ông gây chuyện. Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên ông xin Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà S.

Về con chung: Ông và bà S có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Thành D, sinh ngày 02/8/2010, sức khỏe bình thường, hiện tại đang sống cùng ông. Ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà S cấp dưỡng. Ông là cán bộ hưu, có chỗ ở và thu nhập ổn định 10.000.000đ/tháng.

Về Tài sản chung, nợ chung : Quá trình chung sống ông và bà S không có tài sản chung và cũng không nợ chung, ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết S trình bày: Bà thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn như ông P trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường. Đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông P ích kỷ, không tin tưởng vợ con, kinh tế trong gia đình ông P tự quản lý. Trong quá trình xây nhà nghỉ bà có vay mượn tiền của nhiều người nhưng không nói cho ông P biết. Từ đó, ông cho rằng bà tự gây nợ vì lo cho con riêng của bà nên không tin tưởng bà nữa. Do không có tiền trả, các chủ nợ đến đòi và gây áp lực nên tháng 1/ 2018 bà phải bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng, thỉnh thoảng có về lo cho con nhưng ông P thường đến chỗ làm ăn của bà quấy phá cho nên từ tháng 4/2019 đến nay bà đi vào Sài Gòn làm ăn để kiếm tiền trả nợ. Hiện nay bà cũng không còn tình cảm với ông P nhưng vì con nên bà không đồng ý ly hôn. Quá trình hòa giải bà có yêu cầu ông P hỗ trợ cho bà 1,5 tỷ đồng bà sẽ đồng ý ly hôn nhưng tại phiên tòa hôm nay bà không yêu cầu.

Bà và ông P có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Thành D, sinh ngày 02/8/2010, sức khỏe bình thường và đang sống cùng ông P. Ly hôn bà đồng ý giao con cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

* Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

- Chấp nhận yêu cầu của ông Phạm P được ly hôn bà Nguyễn Thị Tuyết S.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Nguyễn Thành D cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng.
- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Ông Phạm P và bà Nguyễn Thị Tuyết S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết tại UBND phường N. B, Tp. Q vào ngày 26 tháng 11 năm 2007 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Cuộc sống chung giữa vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng ông bà không tự giải quyết được. Tuy rằng giữa ông P và bà S trình bày không thống nhất với nhau về nguyên nhân mâu thuẫn, nhưng hai bên đều thống nhất vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Năm 2014 bà S đã gửi đơn xin ly hôn đến Tòa, vì con còn nhỏ ông P không đồng ý nên bà rút đơn nhưng kể từ đó giữa vợ chồng không còn tin tưởng nhau.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông P kiên quyết ly hôn, bà S không đồng ý ly hôn nhưng bà cũng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông bà đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, không quan tâm và không có trách nhiệm với nhau.

[2] Xét thấy: Hôn nhân giữa ông Phái và bà Sương đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phái để giải phóng cho đôi bên.

[3] Về quan hệ con chung: Ông P và bà S có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Thành D, sinh ngày 02/8/2010, sức khỏe bình thường và đang sống cùng ông P. Ly hôn ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà S cấp dưỡng, bà S cũng thống nhất yêu cầu của ông P. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận của ông bà.

[4] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Ông P và bà S không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí HNGĐST: Căn cứ theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, ông Phạm P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Tòa nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phạm P và bà Nguyễn Thị Tuyết S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Nguyễn Thành D, sinh ngày 02/8/2010 cho ông P được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông P không yêu cầu bà Sương cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết hai bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông P và bà S không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm P phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000634 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Quy Nhơn. Ông P đã nộp đủ án phí HNGĐST.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Q;
- Chi cục THADS TP. Q;
- UBND NB, TP. Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thảo Linh Phương

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
*Quy Nhơn, ngày 9 tháng 8 năm 2019***

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 9 giờ 20 phút, ngày 09 tháng 8 năm 2019

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, T. Bình Định

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà *Văn Thảo Linh Phương*
- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà *Cao Thị Chính*
2. Bà *Nguyễn Thị Ngọc Thúy*

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 369/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, T/c nuôi con” giữa:

* Nguyên đơn: Ông **Phạm Phái**, sinh năm: 1947 (có mặt)

Địa chỉ: 15A Đội Cấn, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

* Bi đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Sương**, sinh năm: 1972 (có mặt)

Địa chỉ: 15A Đội Cấn, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU :**

- Căn cứ các Điều 51, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân biểu quyết 3/3: Cho ly hôn giữa ông Phạm Phái và bà Nguyễn Thị Tuyết Sương.

2. Về con chung biểu quyết 3/3: Giao con chung tên Phạm Nguyễn Thành Doanh, sinh ngày 02/8/2010 cho ông Phái được trực tiếp nuôi dưỡng cháu.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phái không yêu cầu bà Sương cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung biểu quyết 3/3: Ông Phái và bà Sương không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm biểu quyết 3/3: Ông Phạm Phái phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000634 ngày 28/11/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Quy Nhơn. Ông Phái đã nộp đủ án phí HNGĐST.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Thành viên hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Chính Nguyễn Thị Ngọc Thúy

Văn Thảo Linh Phương

